



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn **GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

10

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



QUY ƯỚC VIẾT TẮT TRONG SÁCH

CBQLGD:	cán bộ quản lí giáo dục
CHXHCN:	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa
CNTT-TT:	công nghệ thông tin – truyền thông
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDKT&PL:	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
GV:	giáo viên
HS:	học sinh
NXBGDVN:	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
SGK:	sách giáo khoa
SGV:	sách giáo viên
THPT:	trung học phổ thông
YN:	yêu nước
NA:	nhân ái
CC:	chăm chỉ
TT:	trung thực
TN:	trách nhiệm
TC-TC:	tự chủ, tự học
GT-HT:	giao tiếp và hợp tác
GQVĐ:	giải quyết vấn đề và sáng tạo
PTBT:	phát triển bản thân
ĐCHV:	điều chỉnh hành vi
TH-TG:	tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.



MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC	4
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	9
1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn	9
2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	11
III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	26
1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cho người học	26
2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10	28
3. Hướng dẫn dạy học các dạng bài	36
IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	41
1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	41
2. Gợi ý, ví dụ minh họa (trong sách) về hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, tự đánh giá	43
V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC	44
1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách GV	44
2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, tham khảo	45
3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	46
4. Khai thác thiết bị trong dạy học Giáo dục kinh tế và Pháp luật 10	49
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	50
I. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT	50
1. Hai kiểu cấu trúc kế hoạch bài dạy (giáo án)	50
2. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	52
II. BÀI SOẠN MINH HỌA	55

I KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới, môn GDCTD cấp THPT có tên gọi mới là GDCT&PL. Tên môn học phản ánh nội dung giáo dục trong chương trình môn học chủ yếu là kiến thức kinh tế và pháp luật, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời đáp ứng nhu cầu lựa chọn nghề nghiệp sau THPT của HS.

a) Điểm mới trong nội dung chương trình môn học 2018 so với môn GDCTD hiện hành

Nội dung Chương trình môn GDCTD hiện hành gồm nhiều mảng kiến thức về Triết học, Đạo đức, Kinh tế chính trị, Đường lối phát triển kinh tế – xã hội trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và giáo dục pháp luật, còn nội dung môn GDCT&PL gồm những học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế và pháp luật phù hợp với lứa tuổi, mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau THPT của HS. Bên cạnh đó, các nội dung giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cũng được lồng ghép trong các bài học nhằm giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, những HS có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, GDCTD, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật, Công an,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

Nội dung giáo dục kinh tế có nhiều điểm mới so với chương trình hiện hành với việc thay thế những kiến thức kinh tế chính trị hàn lâm bằng những kiến thức thiết thực đối với HS gồm bốn mạch:

- + Hoạt động của nền kinh tế (Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế; Thị trường và cơ chế thị trường; Tăng trưởng và phát triển kinh tế,...);
- + Hoạt động kinh tế của Nhà nước (Ngân sách nhà nước và thuế; Lạm phát và thất nghiệp,...);
- + Hoạt động sản xuất kinh doanh (Vai trò của sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh; Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh,...);
- + Hoạt động tiêu dùng (Lập kế hoạch tài chính cá nhân, Văn hoá tiêu dùng,...).

Nội dung giáo dục pháp luật cũng bao gồm hai mạch kiến thức chủ yếu là:

- + Hệ thống chính trị và pháp luật;
- + Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nội dung khái quát môn GDKT&PL cấp THPT

Nội dung		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
GIÁO DỤC KINH TẾ (45%)	Hoạt động của nền kinh tế	1. Nền kinh tế và chủ thể của nền kinh tế 2. Thị trường và cơ chế thị trường	1. Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường 2. Lạm phát, thất nghiệp	1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 2. Hội nhập kinh tế quốc tế
	Hoạt động kinh tế của nhà nước	3. Ngân sách nhà nước và thuế	3. Thị trường lao động, việc làm	3. Bảo hiểm và an sinh xã hội
	Hoạt động sản xuất kinh doanh	4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh 5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và năng lực cần thiết của người kinh doanh	4. Lập kế hoạch kinh doanh 5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
	Hoạt động tiêu dùng	6. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	5. Văn hoá tiêu dùng	6. Quản lý thu chi trong gia đình
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (45 %)	Hệ thống chính trị và pháp luật	7. Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam 8. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 9. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam		7. Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế
	Quyền và nghĩa vụ của công dân		6. Quyền bình đẳng của công dân 7. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân 8. Một số quyền tự do cơ bản của công dân	8. Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế 9. Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội

Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP	Chuyên đề 10.1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình	Chuyên đề 11.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên	Chuyên đề 12.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội
	Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	Chuyên đề 11.2: Một số vấn đề về pháp luật lao động	Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp
	Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	Chuyên đề 11.3: Một số vấn đề về pháp luật dân sự	Chuyên đề 12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

b) Điểm mới về định hướng giáo dục

Quan triết tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện GD – ĐT, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kì vọng. Theo cách tiếp cận này, giáo dục không chỉ để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp HS hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Quan điểm này được thể hiện nhất quán ở nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.

c) Điểm mới về yêu cầu cần đạt

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD năm 2006, mỗi bài học đều có quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ được trình bày trong cột “Mức độ cần đạt”. Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD mới kế thừa các yêu cầu về “mức độ cần đạt” này của chương trình hiện hành để xây dựng các yêu cầu cần đạt không chỉ về kiến thức mà còn về phẩm chất và năng lực. Các yêu cầu đặt ra với mức độ từ thấp đến cao: biết, hiểu, vận dụng.

d) Điểm mới về phương pháp giáo dục

Dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là quá trình chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Năng lực chỉ được hình thành trong hoạt động, thông qua hoạt động nên khi giảng dạy môn học này phải bằng hình thức tổ chức các hoạt động, trong đó người học đóng vai trò là chủ thể của hoạt động học; GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để

khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học và thông qua các hoạt động học để hình thành phẩm chất và năng lực.

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS:

Chương trình môn GD&PT đã chỉ ra định hướng trước hết về phương pháp giáo dục môn học là “Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp từ thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống của HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để bài học có sức hấp dẫn, nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân trong tương lai”⁽¹⁾.

Về bản chất, dạy học bằng tổ chức hoạt động cho HS là sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (học theo nhóm, theo lớp); kết hợp học với thực hành, nâng cao tri thức với rèn luyện kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống.

Có ba dạng hoạt động chủ yếu cần tổ chức cho HS tham gia tích cực, chủ động là: hoạt động khám phá vấn đề; hoạt động luyện tập; hoạt động thực hành (vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề; xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn,...).

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS:

Định hướng này được chỉ rõ trong Chương trình môn GD&PT là: “Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, kinh tế, pháp luật trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...”⁽²⁾

Theo định hướng trên, dạy học môn GD&PT có thể sử dụng các phương pháp dạy học như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, dạy học dự án,...

e) Điểm mới về thời lượng thực hiện

Khác với môn GD&PT hiện hành cấp THPT chỉ giảng dạy 35 tiết (mỗi tuần 1 tiết), môn GD&PT là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS, thời lượng dành cho môn học ở mỗi lớp là 70 tiết/năm học (mỗi tuần 2 tiết), cùng thời lượng dành cho các chuyên đề học tập ở mỗi lớp là 35 tiết/năm học. Thời lượng này tương đương với các môn Vật lý, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Lịch sử, Địa lý,...

(1) Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr.53

(2) Sđd, tr.53

g) Điểm mới về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục

– Mục tiêu đánh giá của chương trình hiện hành thiên về đánh giá năng lực học tập, chưa đánh giá được toàn diện phẩm chất và năng lực, nặng về xếp loại, chưa thực sự hướng dẫn điều chỉnh hoạt động dạy và học. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới, mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục được xác định: "là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, đảm bảo sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục"⁽¹⁾.

– Căn cứ đánh giá của chương trình hiện hành chủ yếu là chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ; nội dung đánh giá chủ yếu là kết quả học tập, còn căn cứ đánh giá môn GD&CD của chương trình mới là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn học. Nội dung đánh giá của chương trình GD&CD mới là mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học được thể hiện trong sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS gắn với việc vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống của đời sống thực tiễn. Sản phẩm học tập không chỉ là kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có để thực hiện một nhiệm vụ học tập (ở trong và ngoài lớp học) đạt được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Như vậy, đánh giá theo năng lực là bước phát triển tiếp theo, cao hơn, hoàn thiện hơn của đánh giá dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ như trước đây.

– Cách thức đánh giá: Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính, định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì.

Đánh giá định tính thường là đánh giá bằng nhận xét thông qua quan sát hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong khi tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt ở lớp, trường, gia đình và cộng đồng.

Đánh giá định lượng thường là đánh giá bằng điểm số thông qua các bài kiểm tra, bài trắc nghiệm, bài thuyết trình, bài tập giải quyết tình huống, dự án nghiên cứu,...

Phẩm chất và năng lực được hình thành, phát triển trong môn GD&CD không chỉ thể hiện qua các bài kiểm tra ở một thời điểm nào đó và GV có thể đo bằng điểm số mà còn thể hiện qua thái độ, hành vi được bộc lộ trong suốt quá trình tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt ở lớp, trường, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, kết quả giáo dục môn GD&CD cần được đánh giá bằng các hình thức định tính, định lượng và phải kết hợp đánh giá định kì (đánh giá tổng kết) với đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình).

Việc đánh giá thường xuyên do GV bộ môn tổ chức, dựa trên kết quả đánh giá của GV, của phụ huynh HS, của bản thân HS được đánh giá và của các HS khác trong tổ, lớp.

(1) Theo Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr.32

II GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

SGK môn GDKT&PL ở cấp THPT nói chung và lớp 10 nói riêng được biên soạn dựa trên cơ sở:

- Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK;
- Các định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD&PL;
- Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết SGK;
- Đặc điểm HS THPT;
- Đặc trưng môn GDKT&PL theo định hướng tiếp cận năng lực.

Sách đảm bảo những quan điểm cơ bản sau:

- Khoa học, chuẩn mực: Sách thể hiện chính xác, đầy đủ những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GD&PL lớp 10. Ngôn ngữ phổ thông, trong sáng, văn phong khoa học. Nguồn trích rõ ràng, thông tin chuẩn xác. Các bài đều làm rõ nội hàm khái niệm cơ bản; lấy hệ khái niệm làm công cụ để xây dựng tri thức khoa học, góp phần giúp HS hình thành, phát triển năng lực tư duy khoa học.
- Tinh giản, thiết thực: Nội dung sách xoay quanh hai mạch giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật. Những vấn đề đặt ra phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trải nghiệm của HS lớp 10, giúp HS vận dụng giải quyết những vấn đề của cuộc sống.
- Kế thừa và phát triển: Sách được biên soạn trên cơ sở kế thừa truyền thống giáo dục của dân tộc; tinh hoa giáo dục và kinh nghiệm biên soạn SGK của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến; SGK GD&PL hiện hành; đảm bảo tính hệ thống theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất. Trên cơ sở các mạch nội dung giáo dục, các chuẩn mực hành vi phát triển theo đường xoáy ốc mở rộng và nâng cao dần trên cơ sở kế thừa những chuẩn mực hành vi của lớp trước; dung lượng bài tập cũng đa dạng và phức tạp hơn, phù hợp với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS qua từng lớp học.
- Tích hợp: Đây là xu hướng tất yếu của nền giáo dục hiện đại. Sách chú trọng tích hợp nội môn và liên môn:
 - + Tích hợp nội môn: Mỗi bài học có sự lồng ghép, tích hợp nhuần nhuyễn giữa các mạch nội dung giáo dục của môn học: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật.
 - + Tích hợp liên môn: vẽ tranh (Mĩ thuật), hát (Âm nhạc), đọc truyện, làm thơ, viết bài luận (Ngữ văn), trải nghiệm thực tế, làm dự án (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp),...

Quan điểm tích hợp trong biên soạn giúp cho các hoạt động thiết kế trong SGK môn GDKT&PL phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn đồng thời có sự hỗ trợ, tương tác nhau giữa các môn học về nguồn ngữ liệu và hoạt động dạy học.

– Phân hoá, đa dạng: Sách được thiết kế chú trọng yêu cầu dạy học phân hoá theo năng lực HS; đảm bảo tính đa dạng vùng miền và sự cân bằng về giới; chuỗi hoạt động trong mỗi bài học được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự khác nhau về trình độ năng lực của mỗi HS; các thông tin, tình huống, câu chuyện, tranh ảnh,... gắn với các vùng miền (nông thôn – thành thị, miền xuôi – miền núi,...).

– Sáng tạo: Sách được thiết kế, đảm bảo tính mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS:

+ Đối với GV: Các hoạt động trong sách mang tính mở, giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực khuyến khích HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... tự do sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,... GV có thể sắp xếp lại trật tự chủ đề, điều chỉnh số tiết (đảm bảo tỉ lệ các mạch giáo dục theo chương trình), thay đổi, bổ sung thông tin, câu chuyện, tình huống.

+ Đối với HS: Theo định hướng phát triển năng lực, SGK GDKT&PL không cung cấp những kiến thức có sẵn cho HS mà tổ chức các hoạt động để HS tự giác, tích cực phát hiện và chiếm lĩnh tri thức. Sách tạo điều kiện cho HS phát huy năng lực bản thân qua các hoạt động học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/đọc/kể chuyện, thảo luận nhóm, chơi trò chơi, đóng vai, xử lí tình huống,...

– Sinh động, hấp dẫn: Sách thể hiện sinh động, hấp dẫn những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GDKT&PL lớp 10. Hoạt động Mở đầu đa dạng, phong phú qua bài hát, trò chơi, chia sẻ trải nghiệm,... khơi dậy hứng thú, khát khao học tập của HS. Hoạt động Khám phá bắt đầu bằng những tình huống, câu chuyện, thông tin kinh tế, pháp luật đánh thức được xúc cảm, sự rung động trong tâm hồn HS. Hoạt động Luyện tập với các tình huống kinh tế, pháp luật gần gũi, tạo hứng thú học tập cho HS. Hình thức trình bày sách hấp dẫn với tranh ảnh bốn màu đẹp, minh hoạ sinh động các nội dung giáo dục, kích thích sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của HS. Điều đó giúp cho việc học GDKT&PL không khô khan, giáo điều, cứng nhắc mà trở thành một hành trình học tập sinh động, hấp dẫn và thú vị.

– Hiện đại: Những ưu điểm nổi bật trên chứng tỏ SGK GDKT&PL đã tiếp cận và thể hiện được tinh thần của một cuốn SGK trong dòng chảy của nền giáo dục hiện đại với thiết kế theo định hướng phát triển năng lực người học.

2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

a) Phân tích ma trận năng lực, nội dung

SGK GDKT&PL 10 gồm 9 chủ đề triển khai thành 23 bài học với các yêu cầu cần đạt và mục tiêu về phẩm chất, năng lực cụ thể như sau:

Nội dung chủ đề/bài học	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
			Năng lực chung	Năng lực đặc thù
Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế				
Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội. - Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	- Nhận biết được chủ thể tham gia trong nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế. - Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường				
Bài 3: Thị trường	- Nêu được khái niệm thị trường. - Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 4: Cơ chế thị trường	- Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế

Bài 5: Ngân sách nhà nước	– Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. – Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 6: Thuế	– Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế. – Gọi được tên một số loại thuế phổ biến. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. – Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	– Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. – Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. – Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
---	---	--------------------	--------------------	-------------------

Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	– Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. – Nhận biết được những vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 9: Dịch vụ tín dụng	– Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng. – Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. – Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân				
Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Tự giác thực hiện các quy định pháp luật. - Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	TN, CC, YN, NA	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	- Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam. - Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	TN, CC, YN, NA	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 13: Thực hiện pháp luật	- Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	– Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước CHXHCN Việt Nam. – Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị. – Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp	– Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường	– Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường. – Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp. – Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. – Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. – Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	TN, CC, YN, NA, TT	TC- TH, GT- HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH- TG
---	--	--------------------------------	----------------------------------	-----------------------------

Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam	– Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. – Phê phán và đấu tranh với các hành vi chống phá hệ thống chính trị Việt Nam. – Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong việc bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA, TT	TC- TH, GT- HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH- TG
Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. – Phê phán, đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước. – Thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA, TT	TC- TH, GT- HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH- TG

Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước. - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh đối với các hành vi sai trái liên quan đến Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
Bài 23: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. - Có thái độ phê phán, không đồng tình với các hành vi tiêu cực đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. - Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân bằng các hành vi phù hợp với quy định của pháp luật.	TN, CC, YN, NA, TT	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG

CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1: Tình yêu, hôn nhân và gia đình

Bài 1: Tình yêu	Hiểu được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.	YN, NA, CC, TT, TN	TC-TH, GT-HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
-----------------	---	--------------------	--------------------	-------------------

Bài 2: Hôn nhân	– Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. – Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.	YN, NA, CC, TT, TN	TC–TH, GT–HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH–TG
Bài 3: Gia đình	– Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình; những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay. – Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc. – Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình. – Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.	YN, NA, CC, TT, TN	TC–TH, GT–HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH–TG
Chuyên đề 2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ				
Bài 4: Những vấn đề chung về doanh nghiệp nhỏ	– Nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. – Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. – Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.	YN, NA, CC, TT, TN	TC–TH, GT–HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH–TG
Bài 5: Tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ	– Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. – Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. – Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình tổ chức, hoạt động và những bài học thành công, thất bại của doanh nghiệp nhỏ.	YN, NA, CC, TT, TN	TC–TH, GT–HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH–TG

Chuyên đề 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự				
Bài 6: Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam	- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp. - Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. - Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.	TN, CC, YN, NA	TC- TH, GT- HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH- TG
Bài 7: Pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên	- Nêu được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên trong các tình huống đơn giản thường gặp. - Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự. - Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.	TN, CC, YN, NA	TC- TH, GT- HT, GQVĐ	ĐCHV, PTBT, TH- TG

b) Cấu trúc sách

SGK GDKT&PL 10 được cấu trúc theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm các phần: 1/Hướng dẫn sử dụng sách; 2/Lời nói đầu; 3/Mục lục; 4/Chủ đề/bài học; 5/Giải thích thuật ngữ.

c) Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học

Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học của SGK mới hoàn toàn khác so với SGK hiện hành, gồm một hệ thống các hoạt động phù hợp và đáp ứng các yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Mỗi chủ đề/bài học được thiết kế dựa trên tiến trình nhận thức của HS, từ việc *Nhận biết* đến *Thấu hiểu*, *Tin tưởng* và *Hành động*; tuân thủ quy trình dạy học trải nghiệm: *Từ kinh nghiệm rời rạc – Quan sát phản tỉnh – Nhận thức mới – Thử nghiệm, vận dụng tích cực*, theo mô hình gồm hệ thống các hoạt động:

– *Mở đầu*: Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, đồng thời thông qua câu chuyện, trò chơi, trải nghiệm của HS,... tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới.

Ví dụ: trong bài 2 “Các chủ thể của nền kinh tế”, hoạt động Mở đầu được thể hiện như sau:



MỞ ĐẦU

Mỗi chúng ta đều tham gia vào nền kinh tế với những vai trò khác nhau nhưng ít khi tìm hiểu vấn đề nền kinh tế đang hoạt động bởi những chủ thể nào và vai trò của họ trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bài học này sẽ giúp các em nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế để từ đó xác định được vai trò, trách nhiệm công dân của bản thân và gia đình với tư cách là một chủ thể trong nền kinh tế.

Em hãy nghe bài hát “Bài ca xây dựng” (sáng tác: Hoàng Văn).

1/ Nội dung bài hát ca ngợi những người lao động đang tham gia hoạt động kinh tế nào?

2/ Họ có đóng góp gì cho nền kinh tế?

– **Khám phá:** Giúp HS tìm hiểu nội dung kiến thức của bài học; huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề có nội dung liên quan tới chủ đề, GV tổ chức các hoạt động để HS tự rút ra được khái niệm, nội dung vấn đề, GV chỉ là người chốt lại hoặc chính xác hoá các nội dung đó.

Các hoạt động trong phần này tập trung vào giải quyết ba câu hỏi chính: *Đó là gì? Biểu hiện như thế nào? Có vai trò, ý nghĩa gì?*

Ví dụ, ở bài 8 “Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống”, hoạt động Khám phá được thể hiện như sau:



KHÁM PHÁ

1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Đề có thêm vốn thực hiện dự án trồng rau sạch, anh A quyết định đến ngân hàng để nghị được vay tiền. Sau khi xem xét mục đích, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng hoàn trả nợ vay, trong quá khứ anh A luôn trả nợ đúng thời hạn, phía ngân hàng hoàn toàn tin tưởng và quyết định cho anh vay 100 triệu đồng với lãi suất ưu đãi, thời hạn vay 2 năm. Anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thoả thuận với ngân hàng.



1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?

2/ Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?



- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.
- Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:
 - + Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn.
 - + Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhượng quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định.
 - + Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.

2. Vai trò của tín dụng

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

- ① Ngân hàng là nơi tập trung những khoản vốn lớn thông qua nhận các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay.



Thông tin trên cho thấy tín dụng tập trung, cung cấp nguồn vốn và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho nền kinh tế như thế nào?

- ② Từ nhiều năm nay, chính sách trợ vốn ngân hàng của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên đã giúp nhiều em có hoàn cảnh khó khăn thực hiện được ước mơ đến với giảng đường đại học. Nhờ được vay ưu đãi, các em có kinh phí để hoàn thành khoá học, có thêm cơ hội tìm được việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay cho ngân hàng.



Thông tin trên cho thấy tín dụng giúp Nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế – xã hội như thế nào?

- ③ Nhờ chương trình cho vay vốn đóng mới và nâng cấp tàu cá của Chính phủ triển khai ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, các đội đánh bắt cá đã có thêm những chiếc tàu công suất lớn bám biển vươn khơi, tạo nguồn lực cho ngư dân làm kinh tế, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo của quốc gia.



Thông tin trên cho thấy tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng phát triển, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân như thế nào?



Tín dụng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội:

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.
- Là công cụ điều tiết kinh tế – xã hội của Nhà nước.
- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.



Như vậy, thông qua các câu chuyện, tình huống, thông tin gắn liền với đời sống thực tiễn, HS sẽ khám phá khái niệm tín dụng là gì? Đặc điểm cũng như vai trò của tín dụng trong đời sống xã hội. Đặc biệt, kết thúc mỗi đơn vị kiến thức trong phần Khám phá đều có nội dung chốt kiến thức ngắn gọn, cô đọng giúp HS ghi nhớ các kiến thức cơ bản trong nội dung bài học.

– *Luyện tập:*

+ Mục đích của hoạt động luyện tập nhằm: 1/ Củng cố tri thức vừa khám phá; 2/ Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; 3/ Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân.

+ Hình thức hoạt động luyện tập thể hiện trong SGK GDKT&PL 10: Từ những tri thức đã được khám phá, HS làm các bài tập để củng cố kiến thức; phân tích các tình huống giả định để nhận xét, phân biệt hành vi nào đúng, hành vi nào sai; đồng tình với hành vi đúng, không đồng tình với hành vi sai;... Cao hơn, HS được đưa vào các tình huống mở để thảo luận, đề xuất các cách xử lý tình huống khác nhau; chia sẻ kinh nghiệm bản thân về những việc đã làm được, những việc chưa làm được.

Ví dụ, ở Bài 8 "Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống", HS được luyện tập bằng hình thức thảo luận nhóm và đưa ra ý kiến để giải quyết tình huống về bản chất của tín dụng đồng thời rèn luyện kỹ năng xử lý các vấn đề quan hệ tín dụng trong đời sống thực tiễn:

4. Em hãy xử lý các tình huống sau:

- a. Dành dụm được 100 triệu đồng, chị B có ý định mang gửi tiết kiệm ở ngân hàng để được hưởng lãi suất 6,8%/năm. Tình cờ biết bà T trong xóm đang lo thủ tục để vay ngân hàng 100 triệu đồng với lãi suất 10%/năm, chị B đắn đo suy tính: "Hay là mình cho bà T vay để được hưởng lãi suất cao hơn, còn bà T thì đỡ phải lo hồ sơ thủ tục để vay tiền của ngân hàng?"

Theo em, chị B nên gửi tiền ở ngân hàng hay cho bà T vay? Vì sao?

– **Vận dụng:** Là hoạt động vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống; động viên, khuyến khích HS nghiên cứu, sáng tạo thông qua sự hướng dẫn, trợ giúp của gia đình, địa phương. Ở phần này, sách nêu các nhiệm vụ cần phải giải quyết và yêu cầu HS phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau.

Về phương thức hoạt động, HS được hướng dẫn cách thức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm để trao đổi với các bạn về nội dung và kết quả bài tập do mình thực hiện, sau đó trao đổi với gia đình về những vấn đề cần giải quyết hoặc nêu những câu hỏi để các thành viên trong gia đình thảo luận,... Ngoài ra, còn có hoạt động với cộng đồng như tìm hiểu thêm về những vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học, hoạt động với GV có thể là trao đổi những kết quả và yêu cầu đánh giá.

Bên cạnh các hoạt động gợi ý trong sách, GV nên đưa thêm các hoạt động khác gắn với cuộc sống của HS và địa phương, gắn với tình hình xã hội ở từng thời điểm dạy học. Đồng thời, khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu và mở rộng kiến thức, để không bao giờ được hài lòng với những gì đã có và luôn nhận thức rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học từ thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, đây cũng là phần GV sử dụng để dạy học mở rộng cho các đối tượng HS khá, giỏi.

GV giao cho HS những nhiệm vụ bổ sung và hướng dẫn các em tìm các nguồn tài liệu khác để mở rộng kiến thức đã học; cung cấp cho HS các nguồn sách tham khảo, báo chí, tạp chí và nguồn tài liệu trên Internet hoặc các nhiệm vụ được giao với độ khó cao hơn để HS được thử sức mình.

Ví dụ, trong bài 15 "Nội dung cơ bản của Hiến pháp Việt Nam về chế độ chính trị" hoạt động Vận dụng được thể hiện như sau:

VẬN DỤNG

1. Em hãy vẽ một bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.
2. Em hãy viết một bài luận về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp.

d) Khung kế hoạch dạy học (gợi ý của nhóm tác giả)

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC, KHỐI LỚP.....

(Năm học 20..... – 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; **Số HS:**; **Số HS học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....

2. Tình hình đội ngũ: Số GV:.....; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:
Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....;

Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
1				
2				
3				
...				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập
(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế		6	– Về kiến thức – Về năng lực – Về phẩm chất
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	3	
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	3	
Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường		6	
3	Bài 3: Thị trường	3	
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	3	
Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế		5	
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	3	
6	Bài 6: Thuế	2	
Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh		5	
7	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	5	
Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống		5	
8	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2	
9	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	3	
Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân		5	
10	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	5	
Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		7	
11	Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	3	
12	Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	2	
13	Bài 13: Thực hiện pháp luật	2	
Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		12	
14	Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	

15	Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	2	
16	Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp	3	
17	Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường	3	
18	Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	
Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		13	
19	Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam	3	
20	Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	
21	Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	
22	Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	2	
23	Bài 23: Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân	2	

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp THPT)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Chuyên đề học tập 1: Tình yêu, hôn nhân và gia đình		9	- Về kiến thức - Về năng lực - Về phẩm chất
1	Bài 1: Tình yêu	3	
2	Bài 2: Hôn nhân	3	
3	Bài 3: Gia đình	3	
Chuyên đề học tập 2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ		13	
4	Bài 4: Những vấn đề chung về doanh nghiệp nhỏ	6	
5	Bài 5: Tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ	7	

Chuyên đề học tập 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự		9	
6	Bài 6: Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam	5	
7	Bài 7: Pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên	4	

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kì 1				
Cuối học kì 1				
Giữa học kì 2				
Cuối học kì 2				

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:
TỔ:
Họ và tên GV:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC, LỚP.....

(Năm học 20..... – 20.....)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp THPT)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, SGK môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa,...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng HS giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục,...)

.....

.....

.....

.....

.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

TỔ TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

Giáo viên
(Kí và ghi rõ họ tên)

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cho người học

Để dạy học GDKT&PL theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, GV cần:

– Chú trọng tổ chức hoạt động cho HS: GV không nên giảng giải quá nhiều mà cần là người tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe và định hướng cho HS. GV cần tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lý các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống của HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai. Điều này giúp cho giờ học GDKT&PL sinh động, hấp dẫn và đạt được hiệu quả cao hơn trong việc phát triển năng lực cho HS.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề; phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; đóng vai; dự án;...

– Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực: Phương pháp dạy học cần phải giúp HS phát huy được khả năng sáng tạo, tính chủ động, tích cực và tự giác trong học tập; rèn luyện ý thức tự học, kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tế và mang lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS. Tính tích cực học tập, về bản chất chính là tính tích cực nhận thức, được thể hiện ở khát vọng hiểu biết, luôn cố gắng hết tâm sức và trí lực để chiếm lĩnh về kiến thức. Biểu hiện của tính tích cực học tập gồm: luôn hăng hái trả lời các câu hỏi của GV, bổ sung thêm các câu trả lời từ các bạn, đưa ra ý kiến của bản thân trước một vấn đề nào đó, đặt các câu hỏi và yêu cầu giải thích cặn kẽ với những vấn đề chưa rõ, chủ động tìm kiếm, bổ sung kiến thức, kỹ năng mới, tập trung vào bài học, cố gắng hoàn thành các bài tập được giao, kiên trì, không nản chí trước các vấn đề khó khăn,... Với phương pháp dạy học tích cực, HS sẽ đóng vai trò chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động học tập được GV tổ chức để tự mình tìm ra kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực chứ không phải tiếp thu một cách thụ động kiến thức được GV cung cấp sẵn.

– Chú ý rèn kỹ năng cho HS: Việc sử dụng các phương pháp dạy học cần hướng tới rèn luyện các kỹ năng mềm cho HS: 1/Kỹ năng tự nhận thức bản thân: GV cần gợi mở để các em nhận ra và chia sẻ về những mong muốn, sở thích, trải nghiệm và những điểm cần thay đổi ở bản thân; 2/Kỹ năng lắng nghe, chia sẻ (lắng nghe các ý kiến của các HS khác, phản biện, chia sẻ một cách phù hợp); 3/Kỹ năng thuyết trình: GV hướng dẫn HS rèn luyện giọng nói, ngôn ngữ nói, tư thế, tác phong, cách diễn đạt thông tin; 4/Kỹ năng biểu cảm: GV hướng dẫn HS thể hiện cảm xúc phù hợp khi tham gia các hoạt động học tập qua các biểu hiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ đúng mực; 5/Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm: GV hướng dẫn HS cách cùng tham gia công việc học tập với bạn, tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các mục tiêu chung của nhóm; 6/Kỹ năng ra

quyết định: Với những tình huống trong sách SGK, mỗi HS hoặc cả nhóm cần đưa ra những lựa chọn cho riêng mình. GV nên chỉ dẫn các em tự quan sát, suy nghĩ, giải thích và đưa ra lựa chọn phù hợp.

- Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng hoá, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

- Tăng cường sử dụng phương tiện dạy học: Phương tiện dạy học là công cụ để thực hiện phương pháp. Để hỗ trợ cho việc vận dụng phương pháp có hiệu quả cao hơn, giúp HS học tập môn GDKT&PL 10 thuận lợi và có hứng thú hơn, cần sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học như: tranh ảnh, máy chiếu, video clip, thẻ học tập, phiếu thảo luận nhóm,...

2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10

a) Phương pháp thảo luận nhóm

- Đặc điểm: Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm để đưa ra phương án giải quyết một tình huống, một vấn đề nào đó liên quan đến bài học.

- Tác dụng: Phương pháp này được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống liên quan đến bài học. Nhờ thảo luận nhóm, kiến thức của HS sẽ không mang tính chủ quan, phiến diện mà sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ lâu hơn; HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, bạo dạn, hoà đồng, tự tin, biết lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn, biết trình bày ý kiến của mình, biết xử lý tình huống liên quan đến bài học.

- Cách tiến hành: 1/Giới thiệu vấn đề thảo luận; nêu các câu hỏi có liên quan đến vấn đề; 2/Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận, xác định thời gian thảo luận; 3/HS thảo luận, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi chép các ý kiến ra giấy; 4/Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có); 5/GV nhận xét, kết luận.

- Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và trình độ HS; 2/Cách chia nhóm cần linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định; 3/Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý; 4/Kết quả thảo luận nhóm cần trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học; 5/HS được luân phiên làm nhóm trưởng, thư kí để được rèn luyện các kỹ năng cần thiết; 6/Trong khi các nhóm thảo

luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

Ví dụ: HS thảo luận về tình huống vay mượn tiền của anh A tại ngân hàng để rút ra khái niệm và đặc điểm của tín dụng (Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống).

– GV chia lớp thành các nhóm để thảo luận, trả lời câu hỏi:

1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?

2/ Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?

– GV mời đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận, chốt kiến thức về khái niệm, đặc điểm của tín dụng.

b) Phương pháp đóng vai

– Đặc điểm: Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong một tình huống giả định.

– Tác dụng: Đóng vai giúp HS thực hành những kỹ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực; gây được hứng thú và chú ý đối với người học; tạo điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của HS; giúp HS thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn, từ đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS.

– Cách tiến hành: 1/GV giới thiệu tình huống; 2/Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai; 3/Các nhóm lên đóng vai; 4/HS quan sát, nhận xét, đánh giá; 5/GV nhận xét, kết luận.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng; 2/Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp; 3/Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

Ví dụ: Đóng vai xử lý tình huống trong bài 9: Dịch vụ tín dụng.

Khi thoả thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hằng tháng.

+ GV chia lớp thành các nhóm. Các nhóm thảo luận cách xử lý tình huống, xây dựng kịch bản, phân vai. Nhóm trưởng/thư kí ghi vào phiếu học tập.

+ GV mời một vài nhóm lên đóng vai xử lý tình huống.

+ HS khác quan sát, nhận xét, đề xuất cách xử lý khác.

+ GV nhận xét, khen ngợi nhóm có cách xử lý tình huống và đóng vai tốt, sau đó kết luận.

c) Phương pháp giải quyết vấn đề

– Đặc điểm: Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng kinh tế, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– Cách tiến hành: 1/Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết; 2/Giúp HS nêu ra được những cách khác nhau để giải quyết vấn đề; 3/Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gần với thực tế; 2/Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS; 3/Lựa chọn cách giải quyết vấn đề là giải pháp có lợi nhất, tối ưu nhất.

Ví dụ: Bài tập xử lý tình huống ở bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống: Trong xóm có bà Y đang vận động mọi người cho vay tiền sẽ được hưởng lãi suất cao so với gửi ngân hàng để bà lấy vốn kinh doanh. Bác hàng xóm tin tưởng, rủ mẹ H cho bà Y vay tiền. H muốn ngăn mẹ không cho bà Y vay tiền.

+ Đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề: sau khi nêu tình huống trên, GV đặt câu hỏi: Nếu là H, em sẽ thuyết phục mẹ như thế nào?

+ Giúp HS tìm hiểu nguyên nhân sự vật, hiện tượng: gợi cho HS phân tích tình huống trên, phân tích nguyên nhân vì sao H không muốn mẹ cho bà Y vay tiền.

+ Giúp HS nêu được những cách giải quyết vấn đề: HS có thể nêu một số cách giải quyết vấn đề như: 1/Nói với mẹ chỉ nên cho người khác vay tiền khi thực sự tin tưởng họ có khả năng trả tiền cho mình đúng hạn, cả vốn lẫn lãi. Trong khi bà Y vay tiền để kinh doanh không chắc chắn sẽ đạt kết quả tốt, có thể gặp rủi ro nên cần cân nhắc; 2/ Nếu mẹ vẫn quyết định cho vay thì phân tích để mẹ thấy được lợi gì, nếu gặp rủi ro thì sẽ thiệt hại như thế nào. Từ đó có thể xem xét và không nên cho vay.

+ GV nhận xét, khen ngợi HS có cách giải quyết vấn đề đúng; có thể khéo léo nêu câu hỏi gợi ý để HS có cách giải quyết vấn đề chưa đúng tự nhận thấy mâu thuẫn trong cách xử lý của mình.

d) Phương pháp tổ chức trò chơi

– Đặc điểm: Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Sử dụng trò chơi học tập để hình thành kiến thức, kĩ năng mới hoặc củng cố kiến thức, kĩ năng đã học. Trong thực tế dạy học, GV thường tổ chức trò chơi học tập để củng cố kiến thức, kĩ năng. Tuy nhiên, việc tổ chức cho HS chơi các trò chơi để hình thành kiến thức, kĩ năng mới là rất cần để tạo hứng thú học tập cho HS ngay từ khi bắt đầu bài học mới.

– Tác dụng: 1/Tổ chức trò chơi là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn HS do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của HS với bài học; 2/Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lí thuyết mới; 3/Việc tham gia trò chơi tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác cho HS.

– Cách tiến hành: 1/GV giới thiệu tên, mục đích của trò chơi; 2/Hướng dẫn chơi: Số người tham gia, số đội tham gia, quản trò, trọng tài, các dụng cụ dùng để chơi; cách chơi: Từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm, cách xác nhận kết quả; 3/Thực hiện trò chơi; 4/Nhận xét sau cuộc chơi, nêu kiến thức, kĩ năng của bài học rút ra qua trò chơi.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học. GV và HS có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới; 2/Cần nắm rõ mục đích trò chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức...; 3/ Cần nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi; 4/ Phải để tổ chức và thực hiện; 5/ Sau khi chơi, HS cần rút ra được bài học thông qua trò chơi.

Ví dụ: Chơi trò “Ai nhanh ai đúng” (bài 1: Tình yêu – Chuyên đề học tập GDKT&PL 10): Em cùng các bạn chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”: Nêu những câu ca dao, tục ngữ về tình yêu. GV chia lớp thành các nhóm, phát giấy và bút dạ để các nhóm ghi kết quả tìm kiếm. Nhóm nào tìm được nhiều câu đúng hơn sẽ thắng.

Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi “Đổi mặt”, mời 4 – 5 HS đứng thành vòng tròn, tới lượt bạn nào thì bạn đó phải kể nhanh tên một luật, bộ luật của Việt Nam, không được trùng với câu mà các bạn khác đã đọc, bạn còn lại cuối cùng sẽ chiến thắng (bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam).

e) Phương pháp điều tra

– Đặc điểm: Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng cuộc sống xung quanh liên quan tới nội dung giáo dục của chủ đề/bài học.

– Tác dụng: 1/Hình thành kĩ năng thu thập, xử lí, trình bày và truyền đạt thông tin; 2/Kết nối tri thức với cuộc sống, tạo điều kiện để HS tìm hiểu những vấn đề thực tiễn gắn với bài học, phát hiện và làm phong phú hơn những vấn đề đã học.

– Cách tiến hành:

+ Chuẩn bị: 1/Xác định mục đích, nội dung, đối tượng điều tra; 2/Dự kiến thời gian, hình thức, địa điểm điều tra, cách tiến hành điều tra, cách đánh giá kết quả, phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ HS; 3/Chuẩn bị phiếu điều tra.

+ Thực hiện: 1/GV giới thiệu nội dung điều tra; 2/Phân công nhiệm vụ điều tra cho HS; 3/Hướng dẫn HS điều tra, ghi chép và xử lí thông tin.

+ Báo cáo kết quả điều tra: 1/HS báo cáo kết quả điều tra; 2/Các HS khác nhận xét; 3/GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Nội dung điều tra cần phù hợp với chủ đề/bài học giáo dục, khả năng, kinh nghiệm của HS và điều kiện thực tế; 2/Nhiệm vụ điều tra mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực; 3/HS được tổ chức theo nhóm (mỗi nhóm nhiều trình độ; các nhóm trình độ tương đương) để tạo ra sự cân sức giữa các nhóm; 4/Nên tạo điều kiện cho các nhóm có sản phẩm

điều tra tốt lên trình bày; HS được giải thích cách điều tra, tranh luận, bổ sung ý kiến cho nhau.

g) Phương pháp dạy học dự án

– Đặc điểm: Dạy học dự án là phương pháp trong đó HS dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của GV để thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, nhằm tạo ra và giới thiệu sản phẩm.

– Tác dụng: Đây là một hình thức dạy học lấy HS làm trung tâm, giúp HS phát triển kiến thức và các kĩ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích HS tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình.

– Cách tiến hành:

+ Bước 1: Chuẩn bị: Lập kế hoạch: xác định chủ đề dự án, mục tiêu cần hướng tới, nhiệm vụ phải làm, sản phẩm dự kiến, cách triển khai và thực hiện hoàn thành dự án, thời gian thực hiện và hoàn thành, phân công công việc.

+ Bước 2: Thực hiện dự án: 1/Thu thập thông tin qua nhiều kênh như: Internet, báo chí, truyền hình, thư viện,...; quan sát, điều tra, phỏng vấn,...; 2/Xử lí thông tin qua thống kê, phân tích số liệu; 3/Thảo luận nhóm, trao đổi, chia sẻ dữ liệu, giải quyết vấn đề, kiểm tra tiến độ, xin ý kiến GV.

+ Bước 3: Kết thúc dự án: tổng hợp kết quả: 1/Xây dựng sản phẩm (bài thuyết trình, báo cáo,...); 2/Trình bày sản phẩm; 3/Đánh giá dự án: Giá trị của sản phẩm, bài học rút ra, tinh thần làm việc nhóm, những điểm cần phát huy, những điểm cần thay đổi, cải thiện.

– Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Dự án cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống; 2/Nhiệm vụ dự án cần phù hợp với trình độ và khả năng của HS; 3/Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp; 4/Đối với HS cấp THPT, các dự án học tập nên được thực hiện theo nhóm.

Ví dụ: Cùng các bạn trong nhóm lập kế hoạch tổ chức một hoạt động tuyên truyền về phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường tại địa phương em (bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế).

h) Kĩ thuật kích thích tư duy

– Đặc điểm: Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật.

– Tác dụng: 1/Huy động trải nghiệm của HS vào quá trình dạy học; 2/Phát triển kĩ năng phản biện, năng lực tư duy sáng tạo của HS.

– Cách tiến hành: 1/Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu

trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, để HS suy nghĩ; 2/Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến; 3/Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy to, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp; 4/Phân loại các ý kiến; 5/Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý kiến; 6/Tổng hợp ý kiến, giải đáp thắc mắc, kết luận.

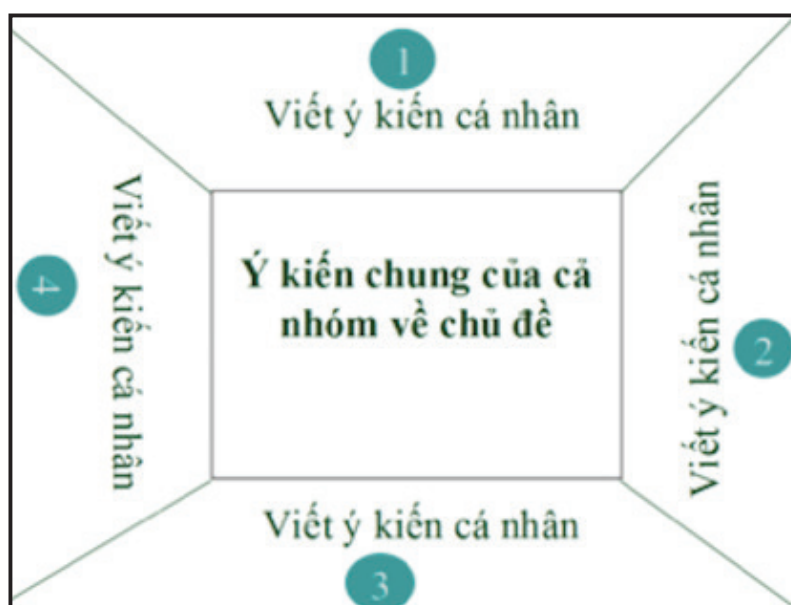
Kĩ thuật này được áp dụng trong tất cả các bài học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10.

i) Kĩ thuật khăn trải bàn

– Đặc điểm: Kĩ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

– Tác dụng: 1/Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm; 2/Huy động trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ; 3/Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm. Tuy nhiên, kĩ thuật này đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút dạ,...); Đòi hỏi thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– Cách tiến hành: 1/HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm có một tờ giấy khổ lớn; 2/HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm; 3/Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh; 4/Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.



k) Kỹ thuật các mảnh ghép

– Đặc điểm: Kỹ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

– Tác dụng: 1/Kỹ thuật các mảnh ghép này giúp giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; 2/Khuyến khích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm, nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; 3/Phát triển năng lực giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; 4/Tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề. HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với hai nhóm khác nhau trong hai vòng.

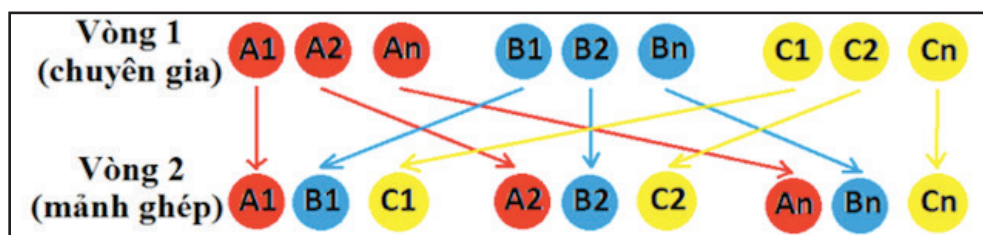
– Cách tiến hành:

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

- + Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.
- + Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

Vòng 2: Nhóm mảnh ghép

- + Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.
- + Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.
- + Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.



l) Kỹ thuật dạy học theo góc

– Đặc điểm: Dạy học theo góc là cách tổ chức cho HS thực hiện những nhiệm vụ khác nhau tại các vị trí khác nhau trong không gian lớp học nhưng cùng hướng tới chiếm lĩnh một nội dung học tập theo nhiều phong cách học khác nhau. Đây là kỹ thuật dạy

học đa dạng trong cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập; các nhiệm vụ có tính độc lập tương đối; có sự phân hoá trình độ HS; HS tự lực thực hiện các nhiệm vụ học tập tại các vị trí xác định trong không gian lớp học.

– Tác dụng: 1/Giúp HS học sâu, học thoải mái dựa trên sự đáp ứng các phong cách học tập khác nhau; 2/Phát huy năng lực tự chủ – tự học của HS; 3/Đáp ứng yêu cầu dạy học phân hoá; 4/Kích thích hứng thú học tập của HS.

– Cách tiến hành:

+ Bước 1: Chọn nội dung, địa điểm dạy học phù hợp.

+ Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài dạy: 1/Phân tích mục tiêu, cấu trúc chủ đề/bài học và xác định các nội dung có thể tổ chức hoạt động theo góc, xác định được những phong cách học tập phù hợp với từng nội dung của bài học đó; 2/Chuẩn bị thiết bị, đồ dùng và phương tiện dạy học phù hợp (Ở mỗi góc cần có tên góc, phiếu giao việc, đồ dùng, thiết bị, tài liệu phù hợp với hoạt động của góc: SGK, tài liệu cho góc phân tích, tivi, đầu video, băng đĩa hình cho góc quan sát, đồ dùng cho góc trải nghiệm...); 3/Xác định nhiệm vụ và kết quả cần đạt của mỗi góc; xác định tên mỗi góc và giao nhiệm vụ phù hợp; 4/Thiết kế nhiệm vụ và hoạt động của mỗi góc; 5/Thiết kế hoạt động đánh giá và củng cố bài học.

+ Bước 3: Tổ chức dạy học theo góc: Trên cơ sở kế hoạch bài dạy đã thiết kế, GV tổ chức dạy học theo góc: giới thiệu cách dạy học theo góc, xác định nhiệm vụ từng góc, thời gian thực hiện nhiệm vụ, cho phép HS lựa chọn góc theo sở thích (tuy nhiên, GV cần điều chỉnh nếu số HS lựa chọn cùng một góc quá đông). HS thực hiện nhiệm vụ tại các góc. GV quan sát, hỗ trợ.

+ Bước 4: Tổ chức báo cáo kết quả và đánh giá.

m) Kỹ thuật KWL – KWLH

– Đặc điểm: Kỹ thuật KWL – KWLH là kỹ thuật dạy học đọc văn bản, học chủ động bằng cách kích hoạt kiến thức nền tảng của người học. Kỹ thuật KWL do Donna Ogle giới thiệu vào năm 1986. KWL gồm K (What I Know) – Những điều đã biết; W (What I Want to know) – Những điều muốn biết; L (What I Learned) – Những điều đã học được. Đầu tiên, HS động não tất cả những gì mình đã biết về chủ đề bài học và ghi vào trong cột K của sơ đồ KWL; tiếp theo, HS tạo ra một danh sách các câu hỏi về những gì muốn biết về chủ đề bài học và liệt kê trong cột W; trong hoặc sau khi học, HS trả lời những câu hỏi mình đã nêu và ghi lại trong cột L. Đến năm 1992, Ogle tiếp tục bổ sung thêm cột H (How I Learn/How can I Learn more) – Những gì muốn tìm hiểu thêm? Bằng cách nào?

– Tác dụng: 1/Giúp GV tìm hiểu kiến thức đã có của HS về bài học, đặt ra mục tiêu cho hoạt động dạy học; 2/Giúp HS tự giám sát quá trình đọc hiểu của bản thân; 3/Cho phép HS đánh giá quá trình đọc hiểu của HS; 4/Tạo cơ hội cho HS diễn tả ý tưởng của bản thân vượt ra ngoài khuôn khổ bài học.

– Cách tiến hành:

+ Bước 1: Chọn chủ đề bài học có thể hướng dẫn học bằng kĩ thuật KWL – KWLH hiệu quả.

+ Bước 2: Tạo sơ đồ KWL. GV vẽ hoặc chiếu sơ đồ lên bảng. HS vẽ sơ đồ vào vở (cá nhân) hoặc lên giấy khổ lớn (nhóm).

+ Bước 3: GV tổ chức hoạt động mở đầu, gợi ý HS chia sẻ nhanh nhất những gì họ đã biết về chủ đề bài học.

+ Bước 4: GV hỏi HS những điều muốn biết về chủ đề bài học và ghi vào cột W. Các HS ghi vào vở hoặc giấy.

+ Bước 5: GV tổ chức cho HS thực hiện chuỗi hoạt động của bài học. Sau đó, HS tóm tắt những điều đã học được và điền vào cột L câu trả lời cho những câu hỏi ở cột W, khuyến khích HS đánh dấu vào những điều mà mình thích nhất. HS tiếp tục thảo luận về những câu trả lời đó.

+ Bước 6: Sau khi củng cố bài học, GV khuyến khích HS suy nghĩ, tìm kiếm nhằm mở rộng thông tin, vận dụng vào thực tiễn.

K	W	L	H
– Ghi các từ, cụm từ liên quan đến chủ đề bài học. – HS thảo luận hoặc giải thích về những điều đã ghi.	Ghi những điều HS muốn biết thành câu hỏi.	Trong và sau khi học bài, HS ghi: – Những câu trả lời cho câu hỏi ghi ở cột W. – Thảo luận về những câu trả lời đó. – Những điều em thích trong bài học.	Ghi những thông tin trong bài em muốn tìm hiểu thêm, cách em sẽ tiếp tục tìm hiểu.

Cùng với những phương pháp, kĩ thuật nêu trên, GV cần sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác như: phương pháp đàm thoại, thuyết trình nêu vấn đề...; kĩ thuật tia chớp (trả lời nhanh), bể cá, ổ bi,... Các phương pháp, kĩ thuật dạy học cần được sử dụng kết hợp với nhau, phù hợp với đặc thù từng dạng bài giáo dục kinh tế và pháp luật.

3. Hướng dẫn dạy học các dạng bài

Các bài học trong SGK GDKT&PL 10 gồm hai dạng: 1/Giáo dục kinh tế; 2/Giáo dục pháp luật. Ngoài những điểm chung về cấu trúc bài học, mỗi dạng bài có cách thức tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

a) Dạy học dạng bài giáo dục kinh tế

Giáo dục kinh tế cho HS phổ thông là hỗ trợ các em phát triển kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi tài chính trong suốt những năm đi học. Giúp các em thiết lập các thói quen tài chính tốt và trang bị các kĩ năng để đưa ra các quyết định tài chính tốt hơn trong hiện tại và tương lai. Ở cấp THPT, giáo dục kinh tế là quá trình tác động sư

phạm có mục đích, có kế hoạch giúp HS có ý thức và hoạt động kinh tế phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật, có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về kinh tế; trên cơ sở đó hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Trong chương trình môn GDKT&PL, giáo dục kinh tế chiếm 45% nội dung chương trình. Ở lớp 10, giáo dục kinh tế gồm các bài:

Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế

Bài 1: Các hoạt động cơ bản trong nền kinh tế

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế

Bài 5: Ngân sách nhà nước

Bài 6: Thuế

Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

Để dạy học dạng bài giáo dục kinh tế đạt hiệu quả, GV cần theo những định hướng sau:

– Cập nhật những tri thức hiện đại về sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính cá nhân: Ở Việt Nam, một số HS vẫn chưa có trải nghiệm về quản lý tài chính cá nhân, về việc làm thêm để có thu nhập khi đang còn trong độ tuổi HS phổ thông,... Vì vậy, GV cần làm rõ tầm quan trọng của vấn đề bằng những ví dụ thực tiễn sinh động để giúp HS tích cực, chủ động hơn trong quá trình học tập. Đặc biệt, những quy định của Nhà nước về pháp luật, kinh tế thường xuyên thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế nên GV bộ môn phải thường xuyên cập nhật để cung cấp thông tin chính xác.

– Phát huy năng lực tự chủ – tự học của HS bằng việc định hướng HS khai thác triệt để kiến thức đã có từ lớp trước trong quá trình khám phá kiến thức của lớp sau. Cấu trúc mạch giáo dục kinh tế trong chương trình theo đường xoắn ốc, đồng tâm, phát triển. Ví dụ: Mạch hoạt động tiêu dùng (Lớp 10 “Lập kế hoạch tài chính cá nhân” –

Lớp 11 “Văn hoá tiêu dùng” – Lớp 12 “Quản lý chi tiêu trong gia đình”). Mặc dù giáo dục kinh tế là mạch nội dung đã có trong phần “Công dân với kinh tế” của chương trình hiện hành song những nội dung giáo dục của chương trình mới mang tính thiết thực, gần gũi với đời sống thực tế của HS nên GV cần tăng cường khai thác những trải nghiệm thực tế, những kinh nghiệm trong cuộc sống để chuyển tải nội dung kiến thức bài học và thiết kế nhiều hoạt động để HS có cơ hội rèn luyện kỹ năng vận dụng các kiến thức kinh tế vào đời sống thường ngày.

– Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực với đời sống kinh tế để tăng tính hấp dẫn, giúp HS tiếp cận bài học có hiệu quả hơn.

– Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: Bên cạnh những phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống, GV cần sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù bài giáo dục kinh tế: phương pháp điều tra, dự án...; kỹ thuật dạy học theo góc, dạy học theo trạm,...

Lưu ý:

1/ Việc giáo dục kinh tế chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện các kỹ năng tài chính thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày của bản thân, gia đình. Vì vậy, GV cần tích hợp giáo dục kinh tế với giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục pháp luật.

2/ Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.

3/ Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong sách GV. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lý của HS lớp mình dạy cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.

4/ Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kinh tế cho HS.

b) Dạng bài giáo dục pháp luật

Giáo dục pháp luật cho HS phổ thông là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch giúp HS có ý thức, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về pháp luật, trên cơ sở đó hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Trong chương trình môn GDKT&PL, giáo dục pháp luật chiếm 45% nội dung chương trình. Ở lớp 10, giáo dục pháp luật gồm các bài:

Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường

Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam

Bài 20: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Bài 23: Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân

Để dạy học dạng bài giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, GV cần theo những định hướng sau:

– Xác định rõ mục tiêu của bài học:

+ Hình thành ở HS ý thức về những chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó định hướng cho các em những giá trị phù hợp với những chuẩn mực đó.

HS cần nắm được: Yêu cầu của chuẩn mực hành vi pháp luật; Sự cần thiết của việc thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (tác dụng của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai,...); Cách thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (việc nào cần làm, việc nào cần tránh).

+ Giáo dục cho HS thái độ đúng đắn liên quan tới các chuẩn mực hành vi pháp luật: Tích cực, tự giác thực hiện chuẩn mực hành vi; Đồng tình với hành vi đúng, phê phán hành vi sai.

+ Hình thành ở HS hành vi, kĩ năng phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. HS biết: Tự nhận xét hành vi của bản thân; Nhận xét, đánh giá hành vi của người khác; Xử lí được các tình huống pháp luật; Thực hiện thao tác, hành động đúng theo mẫu qua trò chơi, đóng vai; Điều tra, đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan tới bài học; Thực hiện được các hành vi tích cực trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật,...

Những phẩm chất, năng lực chính được hình thành qua dạng bài giáo dục pháp luật: Phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm; Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.

– Đảm bảo tính logic của bài giáo dục pháp luật: Từ việc khám phá chuẩn mực hành vi pháp luật đến luyện tập hành vi và vận dụng vào trong thực tiễn.

– Chú ý tổ chức các hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng HS và hoàn cảnh thực tế.

Lưu ý:

1/ Trên đây chỉ là những gợi ý, GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo để thiết kế kế hoạch bài học sao cho phù hợp với nội dung bài học, năng lực HS, năng lực GV và điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên, GV vẫn phải đảm bảo đạt được tính logic, tính hiệu quả của bài học, đáp ứng mục tiêu của chương trình.

2/ Việc phân biệt các dạng bài nêu trên chỉ mang tính chất tương đối, bởi vì giáo dục kinh tế cũng hàm chứa trong đó những quy định của pháp luật; ngược lại, việc giáo dục pháp luật cũng cần hướng tới giáo dục giá trị sống, giá trị đạo đức, giá trị kinh tế cho HS,...

c) Gợi ý dạy học các chuyên đề học tập

Trong chương trình, ở mỗi lớp 10, 11 và 12 có ba chuyên đề học tập tự chọn. Với lớp 10, có ba chuyên đề học tập sau:

- Tình yêu, hôn nhân và gia đình – 9 tiết;
- Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ – 13 tiết;
- Một số vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự – 9 tiết;

Tùy thực tế, nhà trường linh hoạt trong việc lựa chọn thời điểm trong năm học để dạy các chuyên đề. Về chuyên môn cần chú ý:

+ Có thể dạy chuyên đề “Tình yêu hôn nhân và gia đình” vào thời điểm bất kì trong năm học.

+ Chuyên đề: “Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ” cần được dạy sau Chủ đề 4 “Vai trò của sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh” của SGK GDKT&PL 10.

+ Chuyên đề “Một số vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự” cần được dạy sau khi đã học xong bài “Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam”, Chủ đề 7 trong SGK GDKT&PL 10.

– Với thời lượng 35 tiết cho Chuyên đề học tập GDKT&PL 10, GV cần phân bổ thời lượng thực hiện từng chuyên đề theo đúng quy định của chương trình, phối hợp với nhà trường để lên kế hoạch thực hiện từng chuyên đề cho phù hợp.

– Trong mỗi chuyên đề có những bài học nhỏ quan hệ mật thiết với nhau nên sau khi thực hiện xong các bài học nhỏ, GV cần có hoạt động để kết nối, xuyên chuỗi nội dung các bài học để tổng kết nội dung của cả chuyên đề.

IV HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

a) Mục đích: Thu thập, phân tích, xử lý thông tin qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của HS trong quá trình học tập môn học; Tư vấn, hướng dẫn, động viên HS, xác nhận kết quả đạt được của HS, thông tin phản hồi cho GV và HS để điều chỉnh quá trình dạy học.

Mục đích đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập; cán bộ quản lý giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

b) Yêu cầu đánh giá:

- Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn GDKT&PL và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.
- Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; không so sánh HS này với HS khác.

c) Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học. HS cần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực của người công dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp. Cụ thể, HS cần đạt các năng lực chung (năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn GDKT&PL là: năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

d) Hình thức đánh giá

*** Đánh giá bằng nhận xét**

- GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
- HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.
- Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung

cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

** Đánh giá bằng điểm số*

– GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

** Hình thức đánh giá đối với môn GDKT&PL:*

– Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số:

Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

– Được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì:

+ Đánh giá thường xuyên:

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập.

Mỗi HS được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau:

- Đây là môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) với số tiết dạy là 70 nên số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐGtx) trong mỗi học kì là 3 ĐĐGtx.

- Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 1 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 1 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

+ Đánh giá định kì:

- Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không

bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.
- Trong mỗi học kì, môn học có 01 điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐGgk) và 01 điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐGck).

* *Đánh giá kết quả học tập của HS theo môn học:*

– Điểm trung bình môn học kì:

$$\text{ĐTBmhk} = \frac{\text{TĐĐGtx} + 2. \text{ĐĐGgk} + 3. \text{ĐĐGck}}{\text{số ĐĐGtx} + 5}$$

$$\text{ĐTBmcn} = \frac{\text{ĐTBmhkI} + 2. \text{ĐTBmhkII}}{3}$$

– Đánh giá kết quả rèn luyện

+ Đánh giá kết quả rèn luyện của HS căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực đặc thù quy định trong chương trình môn học và Chương trình Giáo dục phổ thông.

+ GV môn học nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, sự hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện học tập môn học và có trách nhiệm cung cấp thông tin nhận xét kết quả rèn luyện của HS thông qua học tập môn học cho GV chủ nhiệm.

2. Gợi ý, ví dụ minh họa (trong sách) về hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, tự đánh giá

– *Đánh giá qua lời nói:*

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vì sao? Như thế nào? Làm gì? Ví dụ: GV có thể hỏi: Vì sao chúng ta phải có kế hoạch tài chính cá nhân?

Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã tham gia nền kinh tế với vai trò người tiêu dùng như thế nào? Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi pháp luật của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi đạo đức, pháp luật có liên quan.

Ví dụ: Thôn Quân nằm cạnh một con sông lớn. Một số người trong thôn có thói quen vứt rác, vật nuôi chết, túi nilon,... xuống sông vì cho rằng sông có lưu lượng nước lớn, vứt vài túi rác không ảnh hưởng gì.

Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nêu trên? Vì sao?

Ở mức cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống cụ thể trên cơ sở gắn nội dung bài học với những tình huống thực tế gần gũi với HS.

– *Đánh giá qua bài kiểm tra viết của HS:*

Đây là phương pháp truyền thống song điểm mới là không chỉ kiểm tra học thuộc lòng kiến thức mà chủ yếu kiểm tra trình độ hiểu biết vấn đề, khả năng vận dụng vấn đề (thực chất là kiểm tra sự sáng tạo, năng động trong hoạt động nhận thức). Vì vậy, bài viết có thể là bài tập tình huống, một trường hợp, một sự kiện để các em nhận xét, đánh giá, tìm ra cách ứng xử để giải quyết các tình huống của bản thân hay của người khác hoặc có thể là các bài trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

– *Đánh giá qua quan sát các hoạt động, việc làm của HS:*

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia các hoạt động học tập, hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ: GV có thể quan sát HS thể hiện thái độ làm việc khi tham gia thảo luận nhóm, sự đóng góp của HS trong kết quả thực hiện một dự án học tập,...

– *Đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:*

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– *Đánh giá thông qua phiếu nhận xét, đánh giá của gia đình:* GV có thể tham khảo ý kiến của cha mẹ HS về thái độ, biểu hiện hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động ở nhà và cộng đồng. Ví dụ: Khi dạy bài “Lập kế hoạch tài chính cá nhân”, GV có thể yêu cầu HS xin ý kiến cha mẹ về việc em đã thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào.

V GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

a) Kết cấu sách giáo viên

Sách GV môn GDKT&PL 10 gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung

– Mục tiêu, nội dung chương trình môn GDKT&PL cấp THPT và yêu cầu đối với môn GDKT&PL lớp 10;

– Tài liệu và phương tiện dạy học môn GDKT&PL lớp 10;

- Phương pháp dạy học môn GDKT&PL lớp 10;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá môn GDKT&PL lớp 10.

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Đây là nội dung cơ bản của sách GV, gợi ý cụ thể cho GV xây dựng kế hoạch bài học cho 23 bài/ 9 chủ đề trong sách HS. Mỗi bài học được trình bày theo thứ tự: 1/Mục tiêu; 2/Thiết bị dạy học và học liệu; 3/Tiến trình dạy học.

Cấu trúc từng bài trong sách GV GDKT&PL 10 gồm:

- Mục tiêu: Việc xác định mục tiêu bài học bám sát vào mục tiêu, yêu cầu của chương trình.
- Thiết bị dạy học và học liệu: Những gợi ý về việc sử dụng tài liệu và phương tiện dạy học.
- Tiến trình dạy học: Các hoạt động dạy học chủ yếu được thiết kế theo các bước: 1/ Tên hoạt động; 2/ Mục tiêu; 3/ Nội dung – Tổ chức thực hiện.

b) Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

Sách GV GDKT&PL 10 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học. Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: Sách gợi ý sử dụng phương tiện dạy học là SGK, tranh ảnh, bài hát, video,... tuy nhiên với những nơi không có điều kiện thuận lợi, GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh trong SGK. GV cũng có thể dùng cách khởi động khác với gợi ý của sách (bài hát, trò chơi khác, hoạt động khác,...); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng. GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng chủ đề (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ: 45% thời lượng dành cho giáo dục kinh tế; 45% thời lượng dành cho giáo dục pháp luật và 10% thời lượng dành cho kiểm tra, đánh giá.

2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, tham khảo

Sách Bài tập GDKT&PL 10 là phương tiện bổ trợ cho GV và HS trong quá trình dạy – học môn GDKT&PL 10. Sách gồm các bài tập được xây dựng theo mục tiêu của môn GDKT&PL 10 nói chung, mục tiêu của từng chủ đề/bài học nói riêng, phù hợp với tiến trình bài học và quy luật nhận thức của HS, gồm: 1/Bài tập nhiều lựa chọn: Một câu hỏi có khoảng 4 – 5 phương án trả lời, trong đó chỉ có một phương án đúng; lựa chọn việc nên làm – không nên làm với các tình huống đúng – sai tương đương,...; 2/Bài tập nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và của người khác; 3/Bài tập xử lý tình huống; 4/Bài tập rèn luyện hành vi; 5/Bài tập liên hệ bản thân; 6/Bài tập liên hệ thực tế,... GV có thể sử dụng các bài tập này trong các giờ GDKT&PL. Ngoài ra, GV có thể đưa ra một số dạng bài tập khác cho HS luyện tập. Giống như sách GV, Bài tập GDKT&PL

cũng không mang tính pháp lệnh mà chỉ là công cụ hỗ trợ cho GV trong quá trình dạy học. HS không bắt buộc phải làm tất cả các bài tập trong sách này.

3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

a) Cam kết hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Việc tập huấn dạy học theo SGK mới lớp 10 của NXBGDVN được thực hiện theo phương thức kết hợp giữa tập huấn qua mạng và tập huấn trực tiếp (Blended training). NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) nhằm đảm bảo cho tất cả GV, CBQLGD được tiếp cận trực tiếp bài giảng cũng như những giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK lớp 10 để tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học các môn theo SGK mới lớp 10 vào giảng dạy và quản lý giảng dạy tại địa phương. Hệ thống tập huấn qua mạng hỗ trợ sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của NXBGDVN triển khai, quản lý công tác tập huấn tại địa phương.

Bên cạnh đó, các tính năng tương tác qua mạng như facebook, zalo, viber, email,... được phát triển để người học và người dạy có thể trao đổi, hỏi đáp, thảo luận với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên, họa sĩ và đội ngũ hỗ trợ của NXBGDVN.

Phương thức tổ chức tập huấn được thực hiện theo mô hình sau:

6.1.1. Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b) Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử trong việc tổ chức dạy học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

- Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng, bao gồm:
- + Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo chương trình, SGK mới;

- + Các video tiết học minh hoạ;
- + Video giới thiệu tổng quan bộ sách và các video giới thiệu những nét đặc trưng, nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục;
- + Bộ câu hỏi thường gặp và giải đáp được tổng hợp, chắt lọc từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, CBQLGD triển khai dạy học theo bộ SGK “Kết nối tri thức với cuộc sống” lớp 10 của NXBGDVN;
- + Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng;
- + Bộ các công cụ tiện ích để CBQLGD, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc;
- + Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD&ĐT, sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường.
- Lợi ích của hệ thống tập huấn qua mạng đối với cơ quan quản lý giáo dục, GV, CBQLGD:
- + Được chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả tập huấn, hỗ trợ nên tránh được “Tam sao thất bản”;
- + Thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ do hệ thống luôn được cập nhật và hoạt động 24/7;
- + Sau tập huấn triển khai SGK mới, các GV, CBQLGD được tuyển dụng mới có thể truy cập hệ thống tập huấn qua mạng để tự bồi dưỡng;
- + Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý giáo dục sở, phòng GD&ĐT, trường.
- Giới thiệu về hệ thống sách điện tử – hanhtrangso.nxbgd.vn:

Đồng thời với việc xuất bản SGK giấy, nhằm mục đích hỗ trợ triển khai SGK mới, SGK điện tử là dịch vụ gia tăng dành cho đơn vị, cá nhân sử dụng SGK mới in trên giấy của NXBGDVN. Trên nền tảng ứng dụng CNTT-TT, SGK điện tử của NXBGDVN mang lại những ưu việt sau:

1/ Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 10 trong bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” là phiên bản điện tử của SGK mới lớp 10 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- + Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...; Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;
- + Sách bổ trợ, sách GV;
- + Hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, đề kiểm tra và đáp án, đánh giá kết quả trải nghiệm, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;

+ Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của cuốn sách và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;

+ Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;

+ Tự học qua mạng (elearning). SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan. SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức, trải nghiệm; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức, hình thành kinh nghiệm mới.

2/ Cập nhật, phát triển không ngừng

Nội dung SGK điện tử được cập nhật thường xuyên. Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất:

+ Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;

+ Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

3/ Công nghệ

+ Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là PC, máy tính bảng và điện thoại thông minh;

+ Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi GV, HS, phụ huynh HS ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc;

+ Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

4/ Dịch vụ hỗ trợ 24/7

+ Tổng hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A);

+ Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống;

+ Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục;

+ Đội ngũ hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho người dùng GV, phụ huynh, HS.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông. Căn cứ theo thông tư trên, NXBGDVN đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn GDKT&PL như sau:

– Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng về các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. Mục đích sử dụng: HS kể được tên các chủ thể tham gia trong nền kinh tế; nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

- Tranh thể hiện sơ đồ các loại hình thị trường cơ bản. Mục đích sử dụng: HS liệt kê được các loại thị trường.
- Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng một số loại thuế phổ biến. Mục đích sử dụng: HS nhận biết và gọi tên được một số loại thuế phổ biến.
- Tranh thể hiện sơ đồ một số dịch vụ tín dụng cơ bản. Mục đích sử dụng: HS kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng.
- Tranh thể hiện sơ đồ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. Mục đích sử dụng: HS nhận thức được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Tranh thể hiện sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam, sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được đặc điểm, cấu trúc của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Video/clip về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp mới. Mục đích sử dụng: HS hiểu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tranh mô phỏng hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam theo luật mới. Mục đích sử dụng: HS nhận diện được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

4. Khai thác thiết bị trong dạy học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDKT&PL 10:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học.
- Tạo điều kiện để HS được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học, qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện hiện đại đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống để giúp HS hứng thú, tích cực học tập hơn, đồng thời giúp GV tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả dạy học.
- Khuyến khích sử dụng thiết bị dạy học tự làm của GV và HS, không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.
- Sử dụng linh hoạt, phối hợp các thiết bị dạy học.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

1. Hai kiểu cấu trúc kế hoạch bài dạy (giáo án)

Việc thiết kế kế hoạch bài dạy theo Khung Kế hoạch bài dạy (Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT).

Kiểu 1

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:.....

Họ và tên GV:

Tổ:.....

.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức
2. Về năng lực
3. Về phẩm chất

II. Thiết bị dạy học và học liệu

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung

- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

KIỂU 2

1. Hoạt động mở đầu

- a. Mục tiêu
- b. Tổ chức hoạt động

Bước 1

Bước 2

Bước 3

Bước 4

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1:

- a. Mục tiêu
- b. Tổ chức hoạt động

Bước 1

Bước 2

Bước 3

Bước 4

Hoạt động 2:

Hoạt động 3:

3. Hoạt động luyện tập

4. Hoạt động vận dụng

Về cơ bản, kiểu 1 và kiểu 2 đều giống nhau ở phần I và phần II, riêng phần III – Tiến trình dạy học kiểu 2 có sự sắp xếp khác hơn so với kiểu 1, song về cơ bản vẫn đảm bảo được yêu cầu theo tinh thần của công văn 5512. Môn GDKT&PL bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” lựa chọn cách trình bày kế hoạch bài dạy theo kiểu 2. Tuy nhiên, GV dạy GDKT&PL hoàn toàn có thể lựa chọn kiểu nào mà mình cảm thấy phù hợp và dễ triển khai nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình.

2. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

A. Xác định mục tiêu bài dạy

Xác định mục tiêu bài dạy trên ba phương diện:

- *Về kiến thức*: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn GD&CD.
- *Về năng lực*: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn GD&CD.
- *Về phẩm chất*: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Lưu ý: Sử dụng các động từ mô tả mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học theo các mức độ:

- *Biết*: Nêu được, liệt kê được,... Ví dụ: Nêu được một số đặc điểm của tín dụng.
- *Hiểu*: Giải thích được, phân tích được, trình bày được, đánh giá được,... Ví dụ: Giải thích được một số hiện tượng, vấn đề kinh tế liên quan đến hoạt động tín dụng trong đời sống xã hội; trình bày được đặc điểm của các mô hình sản xuất kinh doanh;...
- *Vận dụng*: Xác định, thực hiện, điều chỉnh, kiểm soát, áp dụng, phê phán, thiết kế, tham gia,... Ví dụ: Thực hiện được việc lập kế hoạch tài chính cá nhân; phê phán những người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật; tham gia các hoạt động tuyên truyền về thực hiện tiêu dùng xanh;...

B. Xác định thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy.

Cần nêu cụ thể thiết bị dạy học, học liệu gì gắn với chủ đề bài học và phù hợp với sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học tập, tránh chung chung. Ví dụ: Bài “Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội”: 1/Học liệu: SGK, SGV, Bài tập GDKT&PL 10, tranh ảnh, truyện, thơ ca, thành ngữ, tục ngữ, âm nhạc, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề “Vai trò của các hoạt động kinh tế” (GV nêu cụ thể sẽ sử dụng bài hát, bài thơ, câu chuyện gì gắn với chủ đề bài học); 2/Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint.

C. Thiết kế các hoạt động học tập

Hoạt động 1: Mở đầu (Khởi động)

a) **Mục tiêu:** Nêu mục tiêu giúp HS xác định được nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

– **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

– **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sơ phạm trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sơ phạm của GV).

– **Bước 4: Kết luận, nhận định:** Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo.

Hoạt động 2: Khám phá (hình thành kiến thức mới)

a) **Mục tiêu:** Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.

b) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Nêu rõ nhiệm vụ giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để chiếm lĩnh kiến thức mới.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện) theo yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể về kiến thức mới (HS cần viết ra hoặc trình bày được).

Bước 4: Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học).

Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, giao cho HS thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện) theo yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể về kiến thức mới (HS cần viết ra hoặc trình bày được). Sản phẩm là đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học).

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch dạy học của GV.

Cần mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết; nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

Lưu ý:

1/ Mỗi bài dạy GDKT&PL 10 được thực hiện trong 2 đến 5 tiết học. Hệ thống bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các phẩm chất, năng lực trong chương trình. Các dạng bài tập chủ yếu của hoạt động luyện tập: bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân. Hoạt động vận dụng thường ở hai dạng: Vận dụng trên phương diện lý thuyết: viết bình luận về một ý kiến, sưu tầm ca dao, tục ngữ...; Vận dụng trên phương diện thực hành: thiết kế một áp phích, điều tra thực tiễn, xây dựng dự án..., chủ yếu giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

2/ Trong Kế hoạch bài dạy, cần tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thực hiện,... (không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS).

3/ Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức hỏi – đáp, viết, thuyết trình, sản phẩm học tập, quan sát thái độ, hành vi của HS.

BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.
- Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động tín dụng.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Nhận thức được vai trò và đặc điểm của tín dụng để chủ động tham gia hoạt động tín dụng thích hợp trong tương lai để phát triển bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu

- SGK, SGV, Bài tập GDKT&PL 10;
- Giấy A4, phiếu học tập;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về tín dụng;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.

2. Thiết bị dạy học

Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

Tạo tâm thế tích cực cho HS; huy động những kinh nghiệm thực tế của HS về tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, từ đó dẫn vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

Phương án 1: Chia sẻ trải nghiệm

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS chia sẻ trải nghiệm: Trong cuộc sống, em và gia đình đã từng gửi hoặc vay tiền ở ngân hàng? Hãy chia sẻ những lợi ích của hoạt động này đối với em/gia đình em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, chia sẻ trong nhóm đôi. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận để dẫn vào bài mới: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng mang lại cho người gửi một khoản tiền lãi góp phần tăng thêm thu nhập đồng thời cung cấp vốn cho người đang cần tiền trong xã hội để sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc tiêu dùng,... Vay được tiền ở ngân hàng bạn sẽ yên tâm vì ngân hàng là một tổ chức tín dụng có uy tín. Mối quan hệ vay mượn ấy chính là tín dụng. Bài học này giúp em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng trong đời sống, nhận biết được vai trò của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình, xã hội để tham gia và sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách nhiệm.

Phương án 2: HS xem video giới thiệu về hoạt động của một ngân hàng nào đó. Từ đó HS chia sẻ cảm nhận của mình về vai trò của hoạt động nhận gửi tiền tiết kiệm và cho vay đối với hoạt động của các doanh nghiệp và người tiêu dùng của ngân hàng. Sau đó GV dẫn dắt vào bài.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng

a) Mục tiêu:

HS nêu được khái niệm và đặc điểm của tín dụng.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS đọc tình huống trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?

2/ Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. GV có thể dùng kĩ thuật tia chớp, yêu cầu HS trả lời nhanh thêm một số đặc điểm của tín dụng. HS có thể dùng thông tin, câu chuyện, minh hoạ thêm cho những đặc điểm đó. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là: ngân hàng cho anh A vay 100 triệu để thực hiện dự án trồng rau sạch trong 2 năm với lãi suất ưu đãi.

Ngân hàng chỉ cho vay sau khi xem xét và tin tưởng anh A vì chỉ có tin anh A là người có uy tín, có khả năng trả nợ đúng hạn, ngân hàng mới giao tiền cho anh A vay, nếu không rủi ro mất tiền là rất lớn. Sự tin tưởng dựa trên lịch sử tín dụng của anh A tốt, trước đây nếu có vay đều trả nợ đúng hạn, mục đích vay và hiệu quả sử dụng vốn cho dự án trồng rau sạch là tốt, anh A có thể trả nợ được khi đến hạn. Ngân hàng cho anh A vay tiền trong 2 năm.

2/ Trong hợp đồng, anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thoả thuận. Việc hoàn trả này là bắt buộc vì nếu không ngân hàng sẽ không thu hồi được tiền vay và bị thua lỗ.

Vậy, ***tín dụng*** là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

Tín dụng có đặc điểm cơ bản là: Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn; Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định; Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của tín dụng trong đời sống

a) Mục tiêu:

HS phân tích được vai trò của tín dụng trong đời sống xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc ba trường hợp trong SGK, thảo luận nhóm, để trả lời các câu hỏi trong SGK:

1/ Thông tin 1 cho thấy tín dụng có vai trò tập trung, cung cấp nguồn vốn và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho nền kinh tế như thế nào?

2/ Thông tin 2 cho thấy tín dụng giúp Nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế – xã hội như thế nào?

3/ Thông tin 3 cho thấy tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng phát triển, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể hướng dẫn HS dùng kĩ thuật khăn trải bàn hoặc kĩ thuật các mảnh ghép, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận:

Tín dụng có vai trò tập trung các nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay. Như vậy, tín dụng góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vốn trong xã hội; Tín dụng còn có vai trò là công cụ điều tiết kinh tế – xã hội của Nhà nước; đồng thời còn có vai trò thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá, tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK:

+ Cách 1: GV chốt và trình chiếu nội dung kiến thức cơ bản HS đã khám phá.

+ Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

HS củng cố những tri thức vừa khám phá qua việc chơi trò chơi, bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới tín dụng và vai trò của tín dụng

b) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

GV hướng dẫn HS đọc các ý kiến trong SGK, thảo luận nhóm đôi, nêu quan điểm của mình và giải thích theo phiếu học tập gợi ý dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định.		X	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định chứ không giao quyền sở hữu.
b.			

– Sau đó, GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp lại nội dung cần đạt được trong phiếu học tập như sau:

a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định.

Không đồng tình vì một trong các đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định chứ không giao quyền sở hữu.

b. Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc còn lãi thì trả thế nào cũng được.

Không đồng tình vì một trong các đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay gốc lẫn lãi như đã thoả thuận lúc cho vay.

c. Trong quan hệ tín dụng, bên cho vay có thể dựa vào khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay để tin tưởng đưa ra quyết định cho vay.

Không đồng tình vì ý kiến này chưa thật đúng, khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay là một cơ sở để người cho vay tin tưởng người vay nhưng như thế chưa đủ để ra quyết định cho vay mà thường phải dựa vào tài sản thế chấp hoặc những cơ sở tin tưởng khác.

d. Không nên mang tiền cho vay vì dễ gặp rủi ro.

Không đồng tình vì khi cho vay thì có thể gặp rủi ro vì người vay có thể không trả nợ được đúng hạn nhưng cũng không nên giữ tiền mà không cho vay vì như vậy sẽ làm cho lượng tiền nhàn rỗi không vận động trong khi rất nhiều người khác có nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Tuy nhiên, chỉ cho vay khi có cơ sở cho thấy người vay có khả năng chi trả đúng hạn.

Bài tập 2. Em hãy cho biết các nhân vật trong các tình huống sau đây nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng là đúng hay sai. Vì sao?

GV tổ chức thảo luận nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận một trường hợp trong SGK, sau đó mời đại diện từng nhóm lên trình bày, mời đại diện nhóm khác nhận xét phần trả lời, GV kết luận:

a. Được tư vấn vay vốn ngân hàng để phát triển chăn nuôi nhưng bác M đắn đo vì ngại phải lo nhiều thủ tục cùng nỗi lo việc chăn nuôi không thuận lợi sẽ không có đủ tiền để trả nợ.

Bác M thể hiện sự nhận biết về vai trò của tín dụng chưa thật đúng. Tín dụng tạo điều kiện cho người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Các thủ tục cũng được hướng dẫn cụ thể để người vay thực hiện. Vì thế cần mạnh dạn sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng nhưng cũng cần chú ý sử dụng vốn hiệu quả để có thể trả nợ được ngân hàng và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

b. T đã tư vấn cho bạn đến vay tiền ở một quỹ tín dụng đen mình quen biết vì cho rằng đó là nơi vay tiền nhanh chóng, thủ tục vay đơn giản nhất, không phức tạp như vay ở ngân hàng.

Đây là điều nhiều sinh viên hay lựa chọn để vay tiền nhưng các quỹ tín dụng đen này hết sức nguy hiểm, tuy thủ tục đơn giản, dễ vay nhưng lãi suất rất cao, kèm theo điều kiện gán với tài sản, nếu không trả đúng hạn sẽ bị nhiều bất lợi.

c. Bà Q vay ngân hàng 50 triệu đồng để đầu tư sản xuất. Do tình hình sản xuất gặp khó khăn nên khi đến hạn phải trả nợ, bà đã đến ngân hàng, đề nghị gia hạn trả nợ thêm 6 tháng nữa.

Hành vi này không đúng vì người vay không được phép đề nghị gia hạn trả nợ mà phải thực hiện đúng như cam kết lúc theo hợp đồng vay.

Bài tập 3. Em hãy cho biết các hoạt động tín dụng sau đã tác động như thế nào đến đời sống xã hội.

GV có thể thay đổi hình thức hoạt động cho HS tự nghiên cứu, sau đó mời HS phát biểu ý kiến, mời các HS khác nhận xét và kết luận:

a. Các tổ chức tín dụng đồng loạt tăng lãi suất cho vay: sẽ tác động đến người đi vay, các doanh nghiệp sẽ giảm bớt nhu cầu vay khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp hơn.

b. Các ngân hàng thương mại đồng loạt giảm lãi suất tiền gửi: sẽ khiến người dân giảm mang tiền đi gửi ngân hàng, số tiền để chi tiêu sẽ nhiều hơn làm cho tổng cầu tăng lên kích thích sản xuất phát triển.

c. Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo để tổ chức kinh doanh.

Điều này góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp cho sản xuất phát triển.

Bài tập 4. Em hãy xử lý các tình huống sau:

GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

GV hướng dẫn các nhóm đọc tình huống, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn sau đó diễn đoạn kịch ngắn trước lớp. GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét nội dung, cách thể hiện vai diễn rồi đưa ra kết luận:

– Tình huống a: Chị B nên gửi tiền ở ngân hàng mà không nên cho bà T vay vì việc cho người quen vay nhiều khi không có ràng buộc về pháp lý nên dễ gặp rủi ro khi bên vay không trả được nợ.

– Tình huống b: H sẽ nói với mẹ rằng không nên vì lãi suất cho vay cao mà cho bà Y vay vì rủi ro rất cao, lỡ bà Y làm ăn thua lỗ hoặc vì mục đích khác không trả tiền vay thì có thể bị mất tiền.

– Tình huống c: Nếu là D, em sẽ khuyên mẹ nên vay tiền từ ngân hàng chính sách xã hội, sẽ được hưởng lãi suất thấp và thời gian hoàn trả dài. Trong quá trình học đại học và sau khi tốt nghiệp, em có thể kiếm việc làm để trả dần khoản vay đó.

4. VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến bài học.

b) *Tổ chức thực hiện:*

1. GV hướng dẫn HS chọn một ví dụ về việc hỗ trợ của tín dụng đối với sản xuất kinh doanh hoặc tiêu dùng để viết bài. Ví dụ: nhờ được vay vốn mà hộ gia đình có thể phát triển chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ nào đó hay nhờ vay vốn tín dụng mà mua được nhà, mua được xe,...

2. GV hướng dẫn HS khai thác đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng để phân tích câu nhận định này.

CHUYÊN ĐỀ 1

BÀI 3: GIA ĐÌNH (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình; những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.
- Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về gia đình.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, sân khấu hoá một kịch bản về chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến gia đình.
- Năng lực đặc thù:

Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Thực hiện đầy đủ trách nhiệm công dân trong gia đình.

3. Về phẩm chất

- Nhân ái: Yêu thương gia đình.
- Có trách nhiệm góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV CĐHTGDKT&PL lớp 10;
- Tranh ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

Tạo tâm thế tích cực cho HS; huy động những hiểu biết, tình cảm của HS về gia đình để dẫn vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- *Cách 1:* Nghe/hát bài hát về gia đình và chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về gia đình qua bài hát đó.
- *Cách 2:* Chơi trò chơi “Tiếp sức”: Nêu những việc mỗi người cần làm để thể hiện sự quan tâm, yêu thương các thành viên trong gia đình.
+ GV chia lớp thành hai đội chơi và chia bảng thành hai phần. Lần lượt mỗi thành viên trong từng đội sẽ ghi một việc cần làm. Trong cùng một thời gian, nhóm nào ghi được nhiều việc đúng hơn sẽ thắng.
+ Sau khi chơi, HS trả lời câu hỏi: Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của ngày Gia đình Việt Nam 28 – 6. Em đã làm gì trong ngày đó?

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm, các chức năng cơ bản của gia đình

a) Mục tiêu:

HS nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS đọc truyện “Thủy chung” trong SGK và trả lời câu hỏi:
1/ Chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tình cảm gia đình trong câu chuyện “Thủy chung”.
2/ Trong gia đình anh Tuấn và chị Liên có những mối quan hệ gì?
3/ Gia đình anh Tuấn, chị Liên đã thực hiện những chức năng gì của gia đình?
– HS làm việc cá nhân, đọc truyện, trả lời câu hỏi.
– GV nhận xét, phân tích, gợi ý câu trả lời:
1/ Tình cảm yêu thương, chia sẻ, thủy chung.
2/ Mối quan hệ vợ – chồng, anh chị – em, cha mẹ – con, ông bà – cháu.

3/ Cả bốn chức năng: tái sản xuất con người; kinh tế và tổ chức đời sống gia đình; nuôi dưỡng, giáo dục, hình thành nhân cách; thoả mãn nhu cầu vật chất và tinh thần.

– GV dùng kĩ thuật tia chớp, hỏi: Gia đình là gì?

– HS trả lời nhanh.

– GV kết luận: Gia đình là một tập hợp người gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau.

– Tiếp theo, GV hướng dẫn HS tìm hiểu các chức năng cơ bản của gia đình:

+ *Cách 1:* Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm: Chia lớp thành các nhóm để thảo luận, lấy ví dụ về bốn chức năng cơ bản của gia đình.

+ *Cách 2:* Sử dụng phương pháp trực quan: GV chiếu video/hình ảnh liên quan đến các chức năng cơ bản của gia đình, hướng dẫn HS quan sát, phân tích video/hình ảnh để làm rõ các chức năng cơ bản của gia đình.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. Tìm hiểu những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay

a) Mục tiêu:

HS trình bày được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Hãy nêu những điểm ưu việt của chế độ hôn nhân và gia đình ở Việt Nam hiện nay.

– HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, giảng giải, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 3. Tìm hiểu các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc

a) Mục tiêu:

HS trình bày được các yếu tố để xây dựng gia đình hạnh phúc.

b) Tổ chức thực hiện:

– Cách 1:

+ GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu những yếu tố tạo nên hạnh phúc trong gia đình ông C.

2/ Theo em, thế nào là một gia đình hạnh phúc?

+ HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

+ GV nhận xét, giảng giải, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

– Cách 2:

+ GV sử dụng phương pháp thảo luận tập thể và kĩ thuật nêu ý kiến ghi lên bảng: tổ chức cho HS thảo luận tập thể về câu hỏi: Một gia đình hạnh phúc cần phải có những yếu tố nào?

- + GV mời hai HS lên bảng luân phiên ghi lại ý kiến của các bạn phía dưới (và cả ý kiến của mình).
- + GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 4. Tìm hiểu trách nhiệm của các thành viên trong gia đình

a) Mục tiêu:

HS nêu được trách nhiệm của các thành viên trong gia đình.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm. Mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK, từ đó rút ra một nhóm trách nhiệm của các thành viên trong gia đình gắn với trường hợp mà nhóm thảo luận.
- Đại diện nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: ghi trách nhiệm của bản thân đối với các thành viên khác trong gia đình; sau đó chia sẻ trước lớp.

Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá, tổng kết những kiến thức chính của bài học:

- *Cách 1:* GV chốt và trình chiếu nội dung kiến thức cơ bản HS đã khám phá.
- *Cách 2:* HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

HS bày tỏ được ý kiến của mình về những quan niệm, hành vi trong gia đình; xử lý được một số tình huống về gia đình có thể xảy ra trong cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1. Em hãy chia sẻ suy nghĩ của em về quan điểm: “Gia đình là nơi cuộc sống bắt đầu và tình yêu thương không bao giờ kết thúc”.

GV hướng dẫn HS chia sẻ suy nghĩ về quan điểm “Gia đình là nơi cuộc sống bắt đầu và tình yêu thương không bao giờ kết thúc”, nhấn mạnh vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân.

Bài tập 2. Em hãy cho biết các quan điểm sau đúng hay sai. Vì sao?

- GV chiếu từng câu lên màn hình (hoặc HS đọc bài tập trong SGK).
- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý:

- Sai, vì gia đình đông con nhiều cháu chỉ hạnh phúc khi có đủ điều kiện nuôi dạy con cháu. Nếu không, việc đông con nhiều cháu có khi là nguyên nhân của đói nghèo, lạc hậu.
- Không hẳn đúng, vì nếu quá bận rộn công việc xã hội, phụ nữ có thể thuê người giúp việc gia đình. Tuy nhiên, nếu phụ nữ đảm đang công việc gia đình thì vẫn tốt hơn. Mặt khác, đàn ông cần chia sẻ công việc gia đình với phụ nữ.

- c. Đúng, vì đó là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi thành viên trong gia đình.
- d. Không đúng, vì vật chất chỉ là một khía cạnh tạo nên hạnh phúc gia đình.

Bài tập 3. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc bài tập trong SGK và đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét, kết luận:

Gợi ý:

- a. Không đồng tình, vì yêu cầu của bố mẹ anh T không hợp lý, thể hiện tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, mặt khác vi phạm pháp luật.
- b. Không đồng tình với anh C, vì anh C thể hiện tính gia trưởng, không bình đẳng trong gia đình. Chị Th làm công việc gia đình cũng là đóng góp cho gia đình, cần phải được đối xử bình đẳng.
- c. Không đồng tình với việc chiều chuộng của gia đình A. A cần phải chia sẻ công việc gia đình cùng các thành viên khác.
- d. Đồng tình với việc làm của anh T, vì việc làm của anh thể hiện sự tôn trọng, yêu thương vợ và bố mẹ vợ.

Bài tập 4. Em sẽ làm gì nếu là các bạn trong những tình huống sau?

- GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận một tình huống, xây dựng kịch bản, sắm vai xử lý tình huống.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý:

- a. H nên bày tỏ nguyện vọng với gia đình, cố gắng học lên đại học; tìm việc làm thêm và vay tiền từ ngân hàng theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho học sinh, sinh viên nghèo để đi học. Nếu gia đình quá khó khăn, hãy tạm gác ước mơ vào đại học để đi làm, chia sẻ khó khăn cùng gia đình, sau này có điều kiện sẽ học đại học.
- b. Tìm hiểu về người đàn ông đó. Nếu đó là người tử tế, có tình cảm chân thành thì nên ủng hộ, động viên mẹ để mẹ có hạnh phúc mới.

Bài tập 5. Em có lời khuyên gì dành cho các bạn trong những trường hợp sau?

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để đưa ra lời khuyên.
- GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý:

- a. Th cần quan tâm, yêu thương em trai mình. Th cũng cần chia sẻ tâm tư với bố mẹ, bày tỏ mong muốn được quan tâm, yêu thương.
- b. D cần thể hiện lòng biết ơn, gần gũi với cô H hơn.
- c. Đ nên tiếp tục đi học và tranh thủ làm thêm giúp bố mẹ. Đ cũng có thể chia sẻ những khó khăn của mình với thầy, cô giáo để nhận được sự giúp đỡ.
- d. Khuyên T không nên cáu gắt với bà mà cần quan tâm tới bà hơn.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ liên quan đến bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Sưu tầm, chia sẻ những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về gia đình.
2. Vẽ sơ đồ tư duy về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình.
3. Viết bài chia sẻ suy nghĩ về gia đình hạnh phúc và những việc mà bản thân đã làm để góp phần xây dựng một gia đình hạnh phúc.
4. Sân khấu hoá kịch bản về chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”.

Các bài tập này thực hiện ở nhà, giờ học sau sẽ chia sẻ với các bạn.

Gợi ý sân khấu hoá kịch bản về tình yêu, hôn nhân và gia đình

1. Học liệu và thiết bị, đạo cụ

- SGK, SGV CDHTGDKT&PL lớp 10;
- Tác phẩm về tình yêu, hôn nhân và gia đình;
- Máy tính kết nối Internet;
- Sổ tay, bút viết, bút đánh dấu.

Lưu ý: Có thể linh hoạt lựa chọn học liệu, thiết bị và đạo cụ phù hợp.

2. Chuỗi hoạt động

Hoạt động 1. Xác định nội dung, lựa chọn tác phẩm

- Các nhóm nhận nhiệm vụ, thảo luận, xác định những nội dung giáo dục cần chuyển tải, từ đó lựa chọn hoặc sáng tác tác phẩm có nội dung phù hợp.
- Mỗi nhóm chuẩn bị một nội dung, lựa chọn tác phẩm gắn với chủ đề bài học.

Hoạt động 2. Tìm kiếm, xử lí thông tin

- Các thành viên trong nhóm đọc tác phẩm/xem phim, tìm kiếm thông tin về tác phẩm qua mạng xã hội và các nguồn khác.
- Nhóm tổng hợp, khái quát thông tin đã tìm kiếm.

Hoạt động 3. Xây dựng ý tưởng, sáng tác kịch bản sân khấu chuyển thể từ tác phẩm

- Thống nhất hình thức chuyển thể: Có thể chuyển thể sát nguyên tác hoặc không sát nguyên tác; Đặt tên cho tiểu phẩm.
- Thống nhất kịch bản chuyển thể: Dự kiến số lượng nhân vật; phân cảnh cho kịch bản. Sáng tác kịch bản chuyển thể từng phân cảnh.

- Hoàn thành kịch bản chuyển thể, ghép phần chuyển thể từng phân cảnh.
- Đọc lại, bổ sung, hoàn chỉnh kịch bản.

Hoạt động 4. Chuẩn bị và tập kịch

- Phân vai.
- Làm đạo cụ sân khấu và trang phục (nên tận dụng những đồ dùng có sẵn, phế liệu).
- Lựa chọn âm thanh (có thể tải về từ Internet).
- Lên kế hoạch tập kịch (thời gian, địa điểm tập kịch).
- Tập kịch.

Hoạt động 5. Diễn kịch

- Đại diện nhóm giới thiệu tiểu phẩm: Nêu rõ tên nhóm, tên tiểu phẩm, tên diễn viên.
- Biểu diễn tiểu phẩm.

Hoạt động 6. Đánh giá, nhận xét

- Khán giả nhận xét, trao đổi về phần biểu diễn của từng nhóm.
- Bình chọn cho các tiết mục theo một số hạng mục gợi ý sau: 1/ Kịch bản hay nhất; 2/ Diễn xuất tốt nhất; 3/ Trang phục đẹp nhất.
- Cá nhân/nhóm chia sẻ về những điều thú vị, bất ngờ, hài hước, đáng nhớ, những cảm xúc trong quá trình trải nghiệm sáng tác kịch bản và chuẩn bị biểu diễn.

Hoạt động 7. Chia sẻ cảm nhận, rút ra bài học

Cá nhân/nhóm chia sẻ cảm nhận về các nhân vật, bài học rút ra qua vở kịch:

- Kịch bản nói về vấn đề gì?
- Em có cảm nhận gì khi xem vở kịch?
- Em rút ra bài học gì qua vở kịch?

Lưu ý:

1/ GV và HS có thể lựa chọn các tác phẩm khác gắn với chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình” ngoài những tác phẩm đã được gợi ý (ưu tiên những tác phẩm có trong chương trình, SGK phổ thông).

2/ Các nhóm có thể tự sáng tác một kịch bản hoàn toàn mới gắn với chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”.

3/ Để tránh trường hợp HS sáng tác lệch chủ đề hoặc có những tình tiết nhạy cảm, không mang tính giáo dục trên sân khấu, GV cần định hướng, chỉnh sửa, bổ sung và thông qua kịch bản của các nhóm.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TẤT THẮNG – HOÀNG KIM LIÊN

Thiết kế sách: VŨ XUÂN NHỰ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mã số ISBN: 978-604-0-.....

